**Phụ lục B**

Tờ khai kỹ thuật khảo nghiệm DUS giống cần tây

B.1: Loài:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tên latin | Tên tiếng Anh | Ghi chú |
| *Apium graveolens* L. | CELERY, STALK CELERY |  |
| CUTTING CELERY, LEAF CELERY, SMALLAGE |  |

(Xác định tên loài và tích vào cột ghi chú)

B.2: Tên giống:

B.3: Tổ chức, cá nhân đăng ký khảo nghiệm

Tên:

Địa chỉ:

Điện thoại / FAX / E.mail:

B.4. Họ và tên, địa chỉ tác giả giống

1. Họ tên Địa chỉ

2. Họ tên Địa chỉ

3. Họ tên Địa chỉ

B.5. Thông tin quá trình chọn tạo và nhân giống

B.5.1. Phương pháp chọn tạo

(a) Con lai [ ]

(b) Thụ phấn tự do [ ]

(c) Khác [ ]

B.5.2. Phương pháp duy trì

(b) Bằng lá [ ]

(c) Bằng cuống [ ]

(d) Khác [ ]

Cung cấp thông tin chi tiết

B6. Các tính trạng đặc trưng của giống

Bảng B.1 - Một số tính trạng đặc trưng của giống

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tính trạng | Mức độ biểu hiện | Mã số |  |
| 6.1. Cây: chiều cao  *Plant: height*  (Tính trạng số 1) | Rất thấp - *very short*  Thấp - *short*  Trung bình - *medium*  Cao - *tall*  Rất cao - *very tall* | 1  3  5  7  9 |  |
| 6.2. Bộ lá: thế  *Foliage: attitude*  (Tính trạng số 3) | Đứng *- erect*  Đứng đến bán đứng *erect to semi erect*  B*án đứng- semi erect*  Bán đứng đến ngang *- semi erect to hozizontal*  Ngang *- horizontal* | 1  2  3  4  5 |  |
| 6.3. Lá: kích thước của lá chét đỉnh  *Leaf : size of the terminal leaflet*  (Tính trạng số 10) | Nhỏ - *small*  Trung bình - *medium*  To - *large* | 3  5  7 |  |
| 6.4. Lá chét: dạng đỉnh của mép  *Leaflet: shape of tip on margin*  (Tính trạng số 11) | Nhọn - *acute*  Tròn - *rounded* | 1  2 |  |
| 6.5. Lá chét: khoảng cách giữa các thùy  *Leaflet: spacing of lobes*  (Tính trạng số 13) | Không chạm - *not touching*  Chạm – *touching*  Gối lên nhau - *overlapping* | 1  2  3 |  |
| 6.6. Cuống lá: sắc tố antoxian  *Petiole: anthocyanin coloration*  (Tính trạng số 14) | Không có - *absent*  Có – *present* | 1  9 |  |
| 6.7. Cuống lá: Sự tự rụng  *Petiole: self - blanching*  (Tính trạng số 20) | Không có - *absent*  Có - *present* | 1  9 |  |

B.7. Các giống tương tự và sự khác biệt so với giống đăng ký khảo nghiệm

Bảng B.2 - Sự khác biệt giữa giống tương tự và giống khảo nghiệm

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tên giống tương tự | Những tính trạng khác biệt | Trạng thái biểu hiện | |
| Giống tương tự | Giống khảo nghiệm |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

B.8. Các thông tin bổ sung giúp cho việc phân biệt giống

B.8.1. Thông tin bố sung đã được cung cấp ở mục 6 và 7, những tính trạng bổ sung này có bất kỳ tính trạng nào có thể giúp phân biệt giống không ?

Có [ ] không [ ]

(nếu có đề nghị cung cấp thông tin chi tiết)

B.8.2. Có điều kiện đặc biệt để trồng hoặc kiểm tra?

Có [ ] Không [ ]

(nếu có ,đề nghị cung cấp thông tin chi tiết)

B.8.3. Thông tin khác

B.8.3.1. Tính kháng sâu, bệnh

B.8.3.2. Các điều kiện đặ biệt khi khảo nghiệm

B.8.3.3. Mục đích sử dụng chính

- Lá (hom)

- Cuống

B.9. Tôi cam đoan và những thông tin đã kê khai ở trên là hoàn toàn chính xác.

Ngày tháng năm

*(Ký tên , đóng đấu)*